

Số: /2025/TT-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo lần 1
Tháng 10/2025

THÔNG TƯ

Sửa đổi một số quy định về các thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối đối với các giao dịch vốn

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối đối với các giao dịch vốn.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc sửa đổi các thủ tục hành chính về quản lý ngoại hối được nêu tại Phụ lục 1 (ban hành kèm theo Thông tư này)

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong phạm vi Thông tư này, các từ ngữ sau được hiểu như sau:

1. *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: là tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính về quản lý ngoại hối theo quy định tại Điều 1 Thông tư này.

2. *Cơ quan xử lý thủ tục hành chính*: là Cục Quản lý Ngoại hối (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh các Khu vực (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước Khu vực) có thẩm quyền xử lý thủ tục hành chính theo phân công tại các văn bản quy phạm pháp luật quy định về thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Thông tư này.

3. *Văn bản điện tử* là văn bản dưới dạng thông điệp dữ liệu được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và thể hiện chính xác, toàn vẹn nội dung, thể thức của văn bản giấy. Văn bản điện tử định dạng “.pdf”. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ theo quy định. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo chế độ ảnh màu.

Điều 3. Nguyên tắc lập hồ sơ

1. Các tài liệu trong hồ sơ là bản gốc, bản chính hoặc bản sao có xác nhận của đối tượng thực hiện thủ tục hành chính về việc sao từ bản chính.

2. Bản dịch tiếng Việt của các tài liệu tiếng nước ngoài là bản dịch do đối tượng thực hiện thủ tục hành chính tự dịch hoặc thông qua 01 tổ chức cung cấp dịch vụ dịch thuật. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính xác nhận về tính chính xác của bản dịch tiếng Việt với nội dung bằng tiếng nước ngoài.

3. Mỗi thành phần hồ sơ chỉ cung cấp một lần. Trường hợp đối tượng thực hiện thủ tục hành chính đồng thời thực hiện nhiều thủ tục hành chính tại cùng một thời điểm hoặc thực hiện trong thời gian Cơ quan xử lý thủ tục hành chính đang xử lý hồ sơ thủ tục hành chính khác, đối tượng thực hiện thủ tục hành chính không cần nộp lại các thành phần hồ sơ có nội dung trùng nhau.

4. Trường hợp lựa chọn phương thức nộp hồ sơ trực tuyến, đối tượng thực hiện thủ tục hành chính sử dụng văn bản điện tử để nộp hồ sơ trực tuyến theo quy định tại Thông tư này như sau:

a) *Đối với thỏa thuận với bên nước ngoài là thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính*, đối tượng thực hiện thủ tục hành chính tạo 02 tệp tài liệu bao gồm:

- Tệp định dạng PDF được tạo lập từ tệp định dạng *.docx (hoặc *.doc) của các thỏa thuận. Tệp định dạng PDF phải có khả năng tìm kiếm nội dung bằng các công cụ tìm kiếm thông thường của Microsoft Office. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm đảm bảo nội dung tệp PDF này trùng khớp với các thỏa thuận được các bên sử dụng để ký kết, xác lập giao dịch.

- Tệp định dạng PDF ảnh màu thông qua quét các trang có chữ ký của các thỏa thuận nêu tại điểm này.

b) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, toàn vẹn dữ liệu của tài liệu hồ sơ được số hóa theo quy định tại Thông tư này.

c) Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF) hoặc được khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

d) Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước hoặc tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực theo thẩm quyền xử lý thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 4. Nguyên tắc tiếp nhận hồ sơ

1. Việc tiếp nhận hồ sơ được thực hiện quy định hiện hành của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và cổng dịch vụ công quốc gia và theo quy định tại Thông tư này.

2. Đối với hồ sơ được nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên tại Bộ phận Một cửa thông báo về việc tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ cho tổ chức, cá nhân không muộn hơn **03 (ba) ngày làm việc** kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ. Việc thông báo được gửi đến tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua chức năng gửi thư điện tử hoặc gửi tin nhắn điện thoại tự động của Cổng dịch vụ công quốc gia.”

Điều 5. Điều chỉnh tên cơ quan có thẩm quyền xử lý thủ tục hành chính tại các Thông tư nêu tại Phụ lục 2 Thông tư này như sau:

1. Thay thế cụm từ Vụ Quản lý Ngoại hối thành Cục Quản lý Ngoại hối.
2. Thay thế cụm từ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các Khu vực (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước Khu vực).

Chương II

SỬA ĐỔI MỘT SỐ ĐIỀU VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ 22/2013/TT-NHNN HƯỚNG DẪN THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI VÀ KHOẢN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH

Điều 6. Sửa đổi một số khoản của Điều 3 của Thông tư 22/2013/TT-NHNN như sau:

1. Bãi bỏ điểm b, điểm c khoản 1 Điều 3 Thông tư 22/2013/TT-NHNN.

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 3 như sau:

“a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày thư bảo lãnh được ký và trước khi thực hiện rút vốn khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế, Bên đi vay gửi một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều này tới Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối) theo một trong ba cách thức như sau:

a1) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia;

a2) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước;

a3) Gửi qua dịch vụ bưu chính”.

3. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 3 như sau:

“b) Trong thời hạn tám (08) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của Bên đi vay, Ngân hàng Nhà nước gửi Bên đi vay văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài hoặc khoản phát hành trái phiếu quốc tế. Văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế của Ngân hàng Nhà nước bao gồm các nội dung chính sau: Bên đi vay, Bên cho vay (đối với khoản vay nước ngoài song phương, khoản vay nước ngoài hợp vốn không sử dụng Đại diện Bên cho vay) hoặc Đại diện Bên cho vay (đối với khoản vay nước ngoài hợp vốn, khoản phát hành trái phiếu quốc tế sử dụng Đại diện Bên cho vay, Đại diện các trái chủ); các đại lý liên quan đến khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế (nếu có); các điều kiện cơ bản của khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế (kim ngạch vay, tổng trị giá khoản phát hành trái phiếu quốc tế; mục đích sử dụng vốn vay nước ngoài, vốn từ phát hành trái phiếu quốc tế; lãi suất; lãi phạt; phí; hình thức bảo đảm; thời hạn vay; kế hoạch rút vốn, kế hoạch trả nợ gốc, lãi); tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép nơi Bên đi vay mở tài khoản rút vốn, trả nợ khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế và các nội dung khác liên quan đến khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế (nếu có).

Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do”.

Điều 7. Sửa đổi Điều 4 của Thông tư 22/2013/TT-NHNN như sau:

1. Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư 22/2013/TT-NHNN.

2. Sửa đổi khoản 3 Điều 4 Thông tư 22/2013/TT-NHNN như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 4 như sau:

“a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày ký thỏa thuận thay đổi hoặc ngày Bộ Tài chính phát hành thư, phụ lục điều chỉnh thư bảo lãnh (nếu có) và trước khi thực hiện nội dung thay đổi, Bên đi vay gửi một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều này tới Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối) theo một trong ba cách thức như sau:

- a1) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia;
- a2) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước;
- a3) Gửi qua dịch vụ bưu chính”.

b) Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 4 như sau:

“b) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của Bên đi vay, Ngân hàng Nhà nước gửi Bên đi vay văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do”.

Điều 8. Sửa đổi các Phụ lục của Thông tư 22/2013/TT-NHNN như sau:

1. Thay thế Phụ lục 1A, 1B, 2A, 2B Thông tư 22/2013/TT-NHNN bằng Phụ lục II, III, IV, V ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III

SỬA ĐỔI MỘT SỐ ĐIỀU VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ 37/2013/TT-NHNN NGÀY 31/12/2013 HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI VIỆC CHO VAY RA NƯỚC NGOÀI VÀ THU HỒI NỢ BẢO LÃNH CHO NGƯỜI KHÔNG CƯ TRÚ

Điều 9. Sửa đổi Điều 7 của Thông tư 37/2013/TT-NHNN như sau:

Bãi bỏ khoản 2, khoản 3 Điều 7 Thông tư 37/2013/TT-NHNN

Điều 10. Sửa đổi Điều 8 Thông tư 37/2013/TT-NHNN như sau:

“1. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày ký thỏa thuận cho vay và trước khi thực hiện giải ngân cho vay, Bên cho vay gửi một (01) bộ hồ sơ đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài của Tổ chức kinh tế theo một trong ba cách thức nộp hồ sơ như sau:

- a) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia;
- b) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước;
- c) Gửi qua dịch vụ bưu chính”.

2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước gửi Bên cho vay văn bản xác nhận đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài bao gồm các nội dung chính sau: Bên cho vay; bên đi vay; các điều kiện cơ bản của khoản cho vay ra nước ngoài như kim ngạch cho vay, mục đích cho vay ra nước ngoài, lãi suất cho vay, lãi phạt, phí, hình thức bảo đảm, kế hoạch giải ngân, kế hoạch thu hồi nợ (gốc, lãi); tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tài khoản và các nội dung khác liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài (nếu có). Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.”

Điều 11. Sửa đổi khoản 2 Điều 9 Thông tư 37/2013/TT-NHNN như sau

Bãi bỏ điểm d, e khoản 2 Điều 9 Thông tư 37/2013/TT-NHNN;

Điều 12. Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Thông tư 37/2013/TT-NHNN như sau

“1. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày ký thỏa thuận thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài và trước khi thực hiện nội dung thay đổi, Bên cho vay gửi một (01) bộ hồ sơ đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài của Tổ chức kinh tế đến Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối) theo một trong ba cách thức nộp hồ sơ như sau:

2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước gửi Bên cho vay văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài.”

Điều 13. Sửa đổi Điều 11 Thông tư 37/2013/TT-NHNN

Bãi bỏ điểm b, c khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Thông tư 37/2013/TT-NHNN.

Điều 14. Sửa đổi Điều 12 Thông tư 37/2013/TT-NHNN như sau:

Sửa đổi khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của bên bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước gửi bên bảo lãnh văn bản xác nhận đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh bao gồm các nội dung chính sau: Bên bảo lãnh; bên được bảo lãnh; bên nhận bảo lãnh; các điều kiện cơ bản của khoản thu hồi nợ bảo lãnh: hạn mức bảo lãnh, số tiền đã bảo lãnh, mục đích bảo lãnh, lãi suất thu hồi nợ, lãi phạt, phí, kế hoạch thu hồi nợ; tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tài khoản và các nội dung khác liên quan đến khoản thu hồi nợ bảo lãnh (nếu có)”.

Điều 15. Sửa đổi Điều 13 Thông tư 37/2013/TT-NHNN như sau:

Bãi bỏ khoản 3, 5 Điều 13 Thông tư 37/2013/TT-NHNN.

Điều 16. Sửa đổi Điều 14 Thông tư 37/2013/TT-NHNN như sau

Sửa đổi khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của Bên bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước gửi Bên bảo lãnh văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh”.

Điều 17. Sửa đổi các Phụ lục của Thông tư 37/2013/TT-NHNN như sau:

Thay thế Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 4 của bằng Phụ lục VI, Phụ lục VII, Phụ lục VIII và Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương IV

SỬA ĐỔI MỘT SỐ ĐIỀU VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ 10/2016/TT-NHNN HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 135/2015/NĐ-CP NGÀY 31/12/2015 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI

Điều 18. Sửa đổi Điều 6 Thông tư 10/2016/TT-NHNN như sau:

1. Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 6
2. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 6 như sau:

*“2. Trong thời hạn **20 (hai mươi)** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước tổng hợp ý kiến của các cơ quan quy định tại Điểm b Khoản này và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.”*

Điều 19. Sửa đổi Điều 13 Thông tư 10/2016/TT-NHNN như sau:

1. Bãi bỏ điểm c khoản 1 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Thông tư 23/2024/TT-NHNN)
2. Sửa đổi điểm b khoản 2 như sau:

*“b) Trong thời hạn **25 (hai mươi lăm)** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài cho ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”*

Điều 20. Sửa đổi Điều 14 Thông tư 10/2016/TT-NHNN như sau:

Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 14 như sau:

*“c) Trong thời hạn **05 (năm)** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Điểm a khoản này, Ngân hàng Nhà nước ra quyết*

định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp.”

Điều 21. Sửa đổi Điều 15 Thông tư 10/2016/TT-NHNN như sau:

1. Bãi bỏ điểm c khoản 1 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Thông tư 23/2024/TT-NHNN)

2. Sửa đổi điểm b khoản 2 như sau:

“b) Trong thời hạn **25 (hai mươi lăm) ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài cho ngân hàng thương mại. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

Điều 22. Sửa đổi Điều 16 Thông tư 10/2016/TT-NHNN như sau:

Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 16 như sau:

“c) Trong thời hạn **05 (năm) ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Điểm a Khoản này, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của ngân hàng thương mại.”

Điều 23. Sửa đổi khoản 2 Điều 23 Thông tư 10/2016/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư 23/2024/TT-NHNN) như sau:

“2. Trong thời hạn **04 (bốn) ngày làm việc** kể từ ngày nhận được đơn đăng ký hạn mức tự doanh tạm thời, căn cứ tình hình thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài năm trước liền kề, tỷ lệ đầu tư an toàn của tổ chức tự doanh, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận theo mẫu tại Phụ lục số 18 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc từ chối xác nhận đăng ký hạn mức tự doanh tạm thời cho tổ chức tự doanh. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.”

Điều 24. Sửa đổi khoản 2 Điều 25 Thông tư 10/2016/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Thông tư 23/2024/TT-NHNN) như sau:

“2. Trong thời hạn **04 (bốn) ngày làm việc** kể từ ngày nhận được đơn đăng ký hạn mức nhận ủy thác đầu tư tạm thời, căn cứ tình hình thực hiện nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài năm trước liền kề của tổ chức nhận ủy thác, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận theo mẫu tại Phụ lục số 20 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc từ chối xác nhận đăng ký hạn mức nhận ủy thác tạm thời. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.”

Điều 25. Sửa đổi, thay thế các Phụ lục kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-NHNN như sau:

1. Thay thế **Phụ lục 01** – Mẫu Đơn đề nghị cho phép thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài bằng Phụ lục X (ban hành kèm theo Thông tư này).
2. Thay thế **Phụ lục 03** – Mẫu Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài bằng Phụ lục XI (ban hành kèm theo Thông tư này).
3. Thay thế **Phụ lục 04** – Mẫu Đơn đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài bằng Phụ lục XII (ban hành kèm theo Thông tư này).
4. Thay thế Phụ lục 05 – Mẫu Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài bằng **Phụ lục XIII** (ban hành kèm theo Thông tư này).
5. Thay thế Phụ lục 06 – Mẫu Đơn đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài bằng Phụ lục XIV (ban hành kèm theo Thông tư này).
6. Thay thế Phụ lục 07 – Mẫu Đơn đăng ký hạn mức tự doanh bằng **Phụ lục XV** (ban hành kèm theo Thông tư này).
7. Thay thế Phụ lục 08 – Mẫu Đơn đăng ký hạn mức tự doanh tạm thời bằng **Phụ lục XVI** (ban hành kèm theo Thông tư này).
8. Thay thế Phụ lục 09 – Mẫu Đơn đăng ký hạn mức nhận ủy thác bằng **Phụ lục XVII** (ban hành kèm theo Thông tư này).
9. Thay thế Phụ lục 10 – Mẫu Đơn đăng ký hạn mức nhận ủy thác tạm thời bằng **Phụ lục XVIII** (ban hành kèm theo Thông tư này).

Chương V

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ 12/2016/TT-NHNN NGÀY 29/6/2016 HƯỚNG DẪN VỀ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI (ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI BỞI THÔNG TƯ 24/2022/TT-NHNN NGÀY 30/12/2022 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI)

Điều 26. Sửa đổi Điều 9 Thông tư 12/2016/TT-NHNN như sau:

Bãi bỏ khoản 2 và khoản 6 Điều 9.

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Thông tư 12/2016/TT-NHNN như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư này theo một trong ba cách thức sau:

- a) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia;
- b) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước (đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng) hoặc tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (đối với nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng);
- c) Gửi qua dịch vụ bưu chính.”.

2. Bãi bỏ khoản 3 Điều 10.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 10 như sau:

“4. Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực có trách nhiệm xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử gửi nhà đầu tư trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.”

4. Bãi bỏ khoản 5 Điều 10.

Điều 28. Sửa đổi Điều 12 Thông tư 12/2016/TT-NHNN như sau:

Bãi bỏ khoản 3 Điều 12.

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư 12/2016/TT-NHNN như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 như sau:

“2. Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 12 Thông tư này đến cơ quan có thẩm quyền nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối hoặc nơi xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối lần gần nhất đối với trường hợp đã đăng ký thay đổi theo một trong ba cách thức sau:

- a) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia;
- b) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước (đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng) hoặc tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực (đối với nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng);
- c) Gửi qua dịch vụ bưu chính.”.

2. Bãi bỏ khoản 3 Điều 13.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13 như sau:

“Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký thay đổi đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh

khu vực có trách nhiệm xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký thay đổi cho nhà đầu tư dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử.”.

4. Bãi bỏ khoản 5 Điều 13.

Điều 30. Sửa đổi các Phụ lục của Thông tư 12/2016/TT-NHNN như sau:

1. Thay thế Phụ lục 01 – Mẫu Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài bằng Phụ lục XIX (ban hành kèm Thông tư này).

2. Thay thế Phụ lục 02 – Mẫu Đơn đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài bằng Phụ lục XX (ban hành kèm Thông tư này).

Chương VI

SỬA ĐỔI MỘT SỐ ĐIỀU VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ 10/2022/TT-NHNN HƯỚNG DẪN VỀ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ CỦA DOANH NGHIỆP KHÔNG ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Thông tư 10/2022/TT-NHNN như sau:

Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư 10/2022/TT-NHNN như sau:

“a) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia;”

Điều 32. Sửa đổi Điều 6 Thông tư 10/2022/TT-NHNN như sau:

Bãi bỏ khoản 2 và khoản 8 Thông tư 10/2022/TT-NHNN.

Điều 33. Sửa đổi Điều 7 Thông tư 10/2022/TT-NHNN như sau:

1. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 7 như sau:

“b) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận hoặc từ chối xác nhận hạn mức phát hành. Trường hợp từ chối xác nhận hạn mức phát hành, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do”.

2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 7 như sau:

“a) Trong thời hạn 09 (chín) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ sơ bộ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp cần làm rõ, bổ sung hoặc chỉnh sửa nội dung liên quan, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức phát hành hoàn thiện hồ sơ đăng ký khoản phát hành;”

Điều 34. Sửa đổi Điều 8 Thông tư 10/2022/TT-NHNN như sau:

Thay thế cụm từ “Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng” tại Điều 8 Thông tư 10/2022/TT-NHNN thành “Cục Quản lý, giám sát các tổ chức tín dụng”.

Điều 35. Sửa đổi Điều 11 Thông tư 10/2022/TT-NHNN như sau:

Sửa đổi khoản 3 Điều 11 như sau:

“3. Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế trong thời hạn 8 (tám) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của tổ chức phát hành. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.”

Điều 36. Sửa đổi các Phụ lục của Thông tư 10/2022/TT-NHNN như sau:

1. Thay thế Phụ lục 01 – Mẫu Đơn đăng ký khoản phát trái phiếu quốc tế bằng Phụ lục XXI (ban hành kèm Thông tư này).
2. Thay thế Phụ lục 03 – Mẫu Đơn đăng ký thay đổi khoản phát trái phiếu quốc tế bằng Phụ lục XXII (ban hành kèm Thông tư này).

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 37. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025, trừ quy định tại Thông tư này.
2. Các quy định tại Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

Điều 38. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các hồ sơ đã gửi cơ quan có thẩm quyền xử lý trước ngày Thông tư này có hiệu lực và đang trong quá trình hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, trường hợp các hồ sơ được yêu cầu bổ sung là thành phần hồ sơ được bãi bỏ, cắt giảm theo các quy định tại Thông tư này, đối tượng thực hiện thủ tục hành chính không cần nộp bổ sung các thành phần hồ sơ đã được bãi bỏ, cắt giảm. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm tiếp tục xem xét, xử lý hồ sơ theo quy định.

Điều 39. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, doanh nghiệp, hợp tác xã,

liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Nơi nhận:

- Như Điều 39;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, QLNH2 (03 bản).

THÔNG ĐỐC

